

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ DĨ AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2023/HNGĐ-ST

Ngày 08/9/2023

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Văn Hoàn;
2. Bà Châu Hồng Nga.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Hoài Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Ông Trần Trọng An - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 180/2023/TB - TLVA ngày 18 tháng 5 năm 2023 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm 1984; thường trú: B khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Bùi Công S, sinh năm 1985; thường trú: A khu phố Đ, phường T; thành phố D, tỉnh Bình Dương, tạm trú: đường số D, khu tái định cư T, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 4 năm 2023, lời khai trong quá trình tố tụng chị T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Công S và chị Nguyễn Thị Huyền T tự nguyện kết hôn, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương ngày 10/11/2005.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau. Mặc dù cả hai vợ chồng đã nhiều lần cố gắng hàn gắn để xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng không có kết quả.

Nhận thấy, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Nguyễn Thị Huyền T yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Bùi Công S.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là: Bùi Tấn P, sinh ngày 05/01/2006 và Bùi Thiện N, sinh ngày 19/4/2015. Sau khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Bùi Thiện N và giao cháu Bùi Tấn P cho anh Bùi Công S trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ chung: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Bùi Công S có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt tại Bản tự khai ngày 30/8/2023 bị đơn ông S trình bày:* Thống nhất với lời trình bày của chị Nguyễn Thị Huyền T về thời gian tìm hiểu và đăng ký kết hôn và con chung. Chị T xác định vợ chồng sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh cũng đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là: Bùi Tấn P, sinh ngày 05/01/2006 và Bùi Thiện N, sinh ngày 19/4/2015. Sau khi ly hôn, anh S đồng ý giao con chung Bùi Thiện N cho chị Nguyễn Thị Huyền T trực tiếp nuôi dưỡng và anh trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Tấn P, thống nhất không ai phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ngày 22/5/2023 Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn và vấn đề chăm sóc nuôi dạy con chung giữa chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Bùi Công S tại Hội liên hiệp phụ nữ phường T và được cung cấp thông tin như sau: Chị Nguyễn Thị Huyền T không phải là thành viên hội phụ nữ phường. Trước khi khởi kiện ly hôn tại Tòa án, chị T cũng như anh N1 không có yêu cầu địa phương tổ chức hòa giải cơ sở; Hội liên hiệp phụ nữ phường T cũng không tiếp nhận thông tin cung cấp từ đại diện khu phố cũng như người dân phản ánh. Vì vậy, Hội liên hiệp phụ nữ phường Tân Đông Hiệp không rõ nguyên nhân mâu thuẫn và vấn đề chăm sóc nuôi dạy con chung giữa chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Bùi Công S. Đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án theo quy định.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An*: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng pháp luật về tố tụng dân sự, nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Bùi Công S có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, căn cứ theo Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự trong vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai nhận của đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định: chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Bùi Công S tự nguyện kết hôn số: 160/KT/05, quyền số 01 ngày 10 tháng 11 năm 2005 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là phường T) thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Bùi Công S là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống chung của vợ chồng không được hòa thuận, hạnh phúc nên chị T yêu cầu ly hôn anh S cũng đồng ý. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị Nguyễn Thị Huyền T yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu được ly hôn của chị Nguyễn Thị Huyền T.

[3] Về con chung: anh Bùi Công S có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Bùi Tấn P, sinh ngày 05/01/2006 còn chị Nguyễn Thị Huyền T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Thiện N, sinh ngày 19/4/2015. Thỏa thuận của anh S và chị T cũng phù hợp với nguyện vọng các cháu Bùi Tấn P, Bùi Thiện N và phù hợp với quy định của Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Vì vậy, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của anh Bùi Công S và chị Nguyễn Thị Huyền T.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Bùi Công S về việc không yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An về việc giải quyết vụ án.

[7] Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn: chị Nguyễn Thị Huyền T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Bùi Công S (Giấy chứng nhận kết hôn số 160/KT/05, quyền số 01 do Ủy ban nhân dân xã T (nay là phường T) thành phố D, tỉnh Bình Dương cấp ngày 10 tháng 11 năm 2005 ).

2. Về con chung: chị Nguyễn Thị Huyền T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Bùi Thiện N, sinh ngày 19/4/2015. Anh Bùi Công S được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Bùi Tấn P, sinh ngày 05/01/2006. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Bùi Công S về việc không yêu cầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Bùi Công S có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Huyền T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006359 ngày 09/5/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

5. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự (2);
- VKSND thành phố Dĩ An (1);
- CC THADS thành phố Dĩ An (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án (2);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Hà**

